

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2025/HNGĐ
Ngày 22/4/2025
Về việc tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phí Văn Chân

Bà Vũ Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà Bà Phong Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 620/ 2025/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐ - ST ngày 14/03/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐ – ST ngày 08/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị L**, sinh năm 1993 (Có mặt)

HKTT: TDP 15 phường P, quận B, Thành phố H

Cư trú: 259B phố H, Tổ 36, K, TP L

2. Bị đơn: **anh Lê Cường**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

HKTT+ cư trú: Hẻm 205/19 đường Phú Diễn, TDP 15, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị L trình bày:**

Chị và anh Lê C kết hôn trên cơ sở từ nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú Diễn, quận B, Thành phố H ngày 21/03/2017. Sau khi kết hôn chị ở cùng anh C tại hẻm 205/19 đường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn một năm thì anh C bị bắt vào ngày 02/10/2017, lúc này chị mới sinh con đầu lòng được hơn một tháng. Sau đó, khoảng tháng 5/2018, khi chưa kết thúc điều tra, anh C bị mắc bệnh gan cấp tính

nên được về chữa bệnh bắt buộc tại bệnh viện H, chị là người chăm sóc anh C trong thời gian một tháng tại bệnh viện, nên chị tiếp tục có bầu con thứ hai. Khoảng một tháng tại bệnh viện anh C được điều trị tích cực nên đã khỏi bệnh nên tiếp tục bị giam giữ và xét xử với hình phạt 9 năm 6 tháng tù. (Chị sinh con thứ hai khi anh C đang bị tạm giam). Đến ngày 06/2/2024 anh C được ra trại, sau khi trở về địa phương, anh C là một người hoàn toàn khác, thay đổi về tính cách, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị, đe dọa đến sức khỏe tính mạng của. Do không thể chịu đựng được tính cách của anh C nên chị đã đi thuê nhà ở chỗ khác để ở từ tháng 5/2024. Tuy nhiên, anh C thường xuyên đến chỗ chị thuê nhà để đe dọa, chửi bới chị nên chị phải chuyển đi nơi khác thật xa để anh C không tìm được để đến làm phiền, đe dọa và chửi bới. Nay vợ chồng ly thân đã lâu, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho chị ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định, anh chị có 02 con chung là:

1. Lê Quốc T, sinh ngày 12/08/2017
2. Lê Đức V, sinh ngày 25/02/2019

Hiện các con chung đang ở cùng anh C tại hẻm 205/19 đường P, quận B, Thành phố H. Cháu T hiện đang học lớp 2A trường tiểu học Phú Diễn A. Còn cháu Lê Đức V đang học lớp A3 mẫu giáo lớn trường mầm non Phú Diễn A. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi 01 con chung, do cháu Lê Quốc T đang học lớp 2A trường tiểu học Phú Diễn A nên chị đề nghị giao cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Còn đối với cháu Lê Đức V năm nay đang học lớp 5 tuổi, chưa đi học lớp 1 nên chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về điều kiện nuôi dưỡng con chung, hiện nay chị đã có chỗ ở ổn định, hàng tháng thu nhập khoảng 10 đến 15 triệu, từ việc buôn bán online (có bảng kê thu nhập qua tài khoản kèm theo) chị đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung, để cháu T có điều kiện phát triển tốt nhất. Mặt khác, anh C vừa mới ra trại, không có công ăn việc làm ổn định nên việc anh C nuôi cả hai con cũng gặp nhiều khó khăn, vì vậy chị tha thiết đề nghị Tòa án xem xét cho chị được nuôi cháu Lê Đức V.

Về tài sản, nhà đất, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn là anh Lê C không đến Tòa án, không có lời khai**

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến như trên, không có yêu cầu gì khác. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không có ý kiến trình bày tại phiên tòa.

Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thụ lý và trình tự đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, anh C không đến Tòa làm việc, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử

vắng mặt anh C là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận B, Thành phố H ngày 21/03/2017. trên cơ sở tự nguyện, có qua tìm hiểu nhau. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, tháng 10/2017 anh C bị bắt và bị xét xử 9 năm 6 tháng tù, đến tháng 2/2024 anh C mới chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Tuy nhiên vợ chồng đã sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, mỗi người ở một nơi, chị L đã thuê nhà chỗ khác để ở. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L với anh Lê C là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là:

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là:

1. Lê Quốc T, sinh ngày 12/08/2017
2. Lê Đức V, sinh ngày 25/02/2019

Hiện các con chung đang ở cùng anh C tại hẻm 205/19 đường P, quận B, Thành phố H. Cháu T hiện đang học lớp 2A trường tiểu học Phú Diễn A. Còn cháu Lê Đức V đang học lớp A3 mẫu giáo lớn trường mầm non P A. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng xin nuôi 01 con chung là Lê Đức Vg, do cháu V còn bé nên giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Cháu T có nguyện vọng ở với bố nên đề nghị giao cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản, nhà đất, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Từ các nhận định trên, đề nghị HĐXX:

Căn cứ: Điều 28, 35, 39 BLTTDS 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị L và anh Lê C. Chị L được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Giao con chung là Lê Đức V, sinh ngày 25/02/2019 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Giao con chung Lê Quốc T, sinh ngày 12/08/2017 cho anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị L, anh C có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, công nợ chung: Không xem xét – do không có yêu cầu

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Anh Lê C có HKTT+ cư trú tại hẻm 205/19 đường P, quận B, Thành phố H, Chị L có đơn xin ly hôn với anh C, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do. Việc anh C không đến Tòa án, không tham gia phiên tòa là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Chị Nguyễn Thị L và anh Lê C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận B, Thành phố H ngày 21/03/2017. trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng đã sống ly thân. Nguyên nhân là do anh Lê C bị bắt và phải chấp hành hình phạt 09 năm 6 tháng tù, vợ chồng không chung sống cùng nhau, mỗi người ở một nơi, sau khi anh C chấp hành xong hình phạt tù, trở về địa phương chung sống cùng chị L từ tháng 2/2024 nhưng vợ chồng thường xuyên cãi vã, thậm trí dẫn đến xô xát nên chị L chuyển đi nơi khác sinh sống từ tháng 5/2024, vợ chồng mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, tình trạng vợ chồng giữa chị L, anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Chị L có đơn xin ly hôn. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh C.

- Về con chung: Chị L, anh C có 02 con chung là:

1. Lê Quốc Thịnh, sinh ngày 12/08/2017
2. Lê Đức Vượng, sinh ngày 25/02/2019

Hiện các con chung đang ở cùng anh C tại hẻm 205/19 đường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Cháu T hiện đang học lớp 2A trường tiểu học Phú Diễn A. Còn cháu Lê Đức V đang học lớp A3 mẫu giáo lớn trường mầm non Phú Diễn A. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng xin nuôi 01 con chung là Lê Đức Vượng, chị L có nơi ở ổn định, có thu nhập hàng tháng, đảm bảo được việc nuôi con chung nên nguyện vọng của chị L là hoàn toàn chính đáng. Anh C tuy không đến Tòa trình bày lời khai và nguyện vọng nuôi con nhưng hiện nay cháu Lê Quốc T đang ở cùng anh C và cũng có nguyện vọng ở cùng anh C. Để tránh xáo trộn trong sinh hoạt và học tập của cháu T nên giao con cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của cháu T và phù hợp với điều kiện thực tế.

Do đó, HĐXX giao cháu Lê Đức V cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Lê Quốc T cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị L, anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147; 227, 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Lê C. Chị L được ly hôn với anh C.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Đức V, sinh ngày 25/02/2019 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Lê Quốc T sinh ngày 12/08/2017 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0075492 ngày 27/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND quận B
- Chi cục THADS quận B
- Đương sự

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Tuyết